

Bản án số: 01/2026/LĐ-ST
Ngày: 27 – 02 – 2026
V/v: Tranh chấp về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Lộc;

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-LĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số D, đường Đ, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh, số CCCD: 072192007427, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 27/12/2021, có mặt.

- **Bị đơn:** **Công ty Cổ phần X**; địa chỉ: số C, T, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Thành T - Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị Kim H** trình bày:

Chị H bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần X (gọi tắt là Công ty) từ tháng 04/2020, thời gian thử việc 02 tháng. Đến tháng 06/2020 hết thời gian thử việc thì bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội. Trong thời gian làm việc tại Công ty H1 bên chỉ thỏa thuận hợp đồng lao động bằng lời nói không bằng văn bản. Công ty có tham gia BHXH cho chị H bắt đầu từ tháng 06/2020 đến tháng 09/2024 (Đính kèm quá trình tham gia BHXH có thể hiện tham gia). Đến tháng 09/2024 thì chị

H nghỉ thai sản (Đính kèm giấy chứng sinh ngày 11/09/2024). Ngày 09/12/2024 Công ty đã nộp hồ sơ hưởng chế độ ốm đau, thai sản cho chị H, đến ngày 27/12/2024 bên BHXH phản hồi yêu cầu nộp hồ sơ sau khi Công ty đóng BHXH đầy đủ thì mới giải quyết chế độ thai sản cho chị H. Ngày 17/01/2025 chị H làm đơn khiếu nại gửi đến Sở lao động - Thương Binh Và Xã Hội tỉnh T. Ngày 18/01/2025 Sở lao động - Thương Binh Và Xã Hội Tỉnh T đã gửi công văn số 06/TTr v/v chuyển đơn khiếu nại đến Giám đốc Công ty được biết và yêu cầu Công ty báo cáo giải quyết hồ sơ khiếu nại đến trước ngày 17/02/2025 (đính kèm hồ sơ kèm theo). Nhưng sau thời gian này chị H vẫn không được giải quyết chế độ của BHXH. Ngày 27/03/2025 chị H gửi tiếp đơn khiếu nại lần 2 đến Thanh tra Sở Nội Vụ tỉnh T về việc Công ty chưa thực hiện trách nhiệm trích đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị H với thời gian chậm đóng là 09 tháng (từ tháng 01/2024 đến tháng 09/2024) dẫn đến hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thai sản của chị H chưa được cơ quan BHXH giải quyết theo quy định. Ngày 23/04/2025 Thanh tra Sở Nội Vụ tỉnh T tổ chức đối thoại với người khiếu nại, trong biên bản đối thoại ông Nguyễn Thành T, Giám đốc Công ty Cổ phần X cam kết đến hết ngày 30/06/2025 công ty sẽ hoàn thành nghĩa vụ đóng các khoản tiền tham gia BHXH cho chị H và làm hồ sơ đề nghị với cơ quan BHXH giải quyết để chị H được hưởng các quyền lợi theo quy định nhưng đến nay vẫn chưa được bên Công ty giải quyết. Do đó chị H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần X nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động (từ tháng 03/2024 đến tháng 04/2025 với số tiền: 21.145.600 đồng (Bằng chữ: Hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng) và tiền lãi chậm đóng BHXH theo quy định của Luật BHXH, bồi thường những thiệt hại trong khoảng thời gian mà Công ty không giải quyết khi chị H đã hết thời gian nghỉ thai sản (từ tháng 5/2025 đến tháng 9/2025: 5 tháng x 4.720.000) với số tiền 23.600.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Bị đơn Công ty Cổ phần X đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị H yêu cầu Công ty Cổ phần X đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động cho chị H từ tháng 03/2024 đến tháng 02/2025 với số tiền 1.510.400 đồng/1 tháng. Chị H xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tiền lãi chậm đóng, tiền bồi thường thiệt hại trong khoảng thời gian Công ty không giải quyết khi chị H đã hết thời gian nghỉ thai sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 6, 20, 48, 168 Bộ luật Lao động 2019; Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86 và khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc bị đơn Công ty Cổ phần X có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động còn nợ vào tài khoản thu của Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 để Bảo hiểm xã hội thực hiện chi trả chế độ thai sản cho chị H theo quy định.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tiền lãi chậm đóng, tiền bồi thường thiệt hại trong khoảng thời gian Công ty không giải quyết khi chị H đã hết thời gian nghỉ thai sản do chị H đã rút tại phiên tòa.

Về án phí: Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp yêu cầu bị đơn đóng tiền bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian Công ty chậm đóng từ tháng 03/2024 đến tháng 2/2025, bị đơn có trụ sở chính tại số C, T, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”. Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn Công ty Cổ phần X đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu của chị Trần Thị Kim H yêu cầu Công ty Cổ phần X nộp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động (từ tháng 03/2024 đến tháng 02/2025) với mức đóng 1.510.400đồng/1 tháng, thấy rằng: Giữa chị H và Công ty X có thỏa thuận hợp đồng lao động bằng miệng, trước đó Công ty X vẫn trích tiền lương của người lao động để đóng các khoản bảo hiểm, tuy nhiên từ tháng 3/2024 đến tháng 02/2025 Công ty không đóng bảo hiểm cho chị H. Qua đối chiếu bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động do Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 cung cấp, Công ty Cổ phần X có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho chị H với mã số 7214022032 từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2024, từ tháng 9/2024 đến tháng

4/2025 nghỉ hưởng chế độ thai sản. Ngoài ra, tại biên bản đối thoại với người khiếu nại ngày 23/4/2024 do Sở Nội vụ tỉnh T chủ trì, bị đơn Công ty Cổ phần X thừa nhận Công ty chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị H là 09 tháng (từ tháng 01/2024 đến tháng 9/2024) dẫn đến hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thai sản của chị H chưa được cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết theo quy định. Ông Nguyễn Thành T (Giám đốc Công ty X) cam kết hết ngày 30/6/2025 sẽ hoàn thành nghĩa vụ đóng các khoản tiền tham gia bảo hiểm xã hội của chị H và làm hồ sơ đề nghị bảo hiểm xã hội giải quyết để chị H được các quyền lợi theo quy định, tuy nhiên phía bị đơn vẫn không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội để chị H được hưởng quyền lợi. Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 168 Bộ luật lao động năm 2019, khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Như vậy, việc Công ty đã trừ tiền lương hàng tháng của chị H nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội là vi phạm đến quyền lợi hợp pháp của chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần X nộp tiền Bảo hiểm xã hội (từ tháng 3/2024 đến tháng 2/2025) là 12 tháng x 1.510.400 đồng = 18.124.800 đồng.

Tại phiên toà, chị H rút một phần câu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty N, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 3/2024 đến tháng 2/2025, rút một phần yêu cầu về tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Xét thấy, việc chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu này.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn Công ty Cổ phần X phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 227, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, 20, 48, 168 Bộ luật Lao động 2019; Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86 và khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Kim H về việc “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*”.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần X có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động còn nợ vào tài khoản thu của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Ninh số tiền 18.124.800 đồng.

Sau khi Công ty Cổ phần X thực hiện đóng đầy đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động còn nợ vào tài khoản thu của Bảo hiểm xã hội cơ sở T1, Bảo hiểm xã hội sẽ thực hiện việc chi trả chế độ bảo hiểm cho chị H theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm đóng, tiền bồi thường thiệt hại trong khoảng thời gian Công ty không giải quyết khi chị H đã hết thời gian nghỉ thai sản.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Trần Thị Kim H được miễn án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV10 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lâm Thị Nguyễn